

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV  
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2943** /NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày **18** tháng 9 năm 2026

V/v báo giá cung cấp vật tư và dịch vụ sửa chữa  
bê tông phòng mòn bản thể lò hơi năm 2027

Kính gửi: Quý Công ty

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang có nhu cầu lập dự toán: **Cung cấp vật tư và dịch vụ sửa chữa bê tông phòng mòn bản thể lò hơi năm 2027**. Để có cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu tuân thủ theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV trân trọng mời các Quý Công ty có năng lực, kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan tham gia báo giá cung cấp vật tư và dịch vụ theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm.

- Địa điểm thực hiện: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Khu Đông Sơn, phường Bình Khê, thành phố Quảng Ninh).

- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Đông Sơn - Bình Khê - Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Đỗ Minh Hoàng - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0987 936 896.

- Thời gian báo giá: Chậm nhất ngày 25/9/2026.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHĐT-VT

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Mão

### PHỤ LỤC 1: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ CUNG CẤP VẬT TƯ

(Kèm theo Văn bản số **2943** /NĐĐT-KHĐTVT ngày **18** /9/2026 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

| Stt | Tên vật tư                              | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền |
|-----|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|--------------------|------------|
| 1   | Bê tông phòng mòn loại đổ, ghép cốt pha | <p>Mã hiệu: RFT-M60S15.</p> <p>Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Kỹ thuật vật liệu chịu lửa RFT/Việt Nam</p> <p>hoặc vật liệu tương đương đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ sử dụng: <math>\geq 1.650\text{ }^{\circ}\text{C}</math>;</li> <li>- Mật độ thể tích (Bulk Density): <math>2.240 \div 2.640\text{ kg/m}^3</math>;</li> <li>- Cường độ kháng nứt gãy (Modulus of Rupture): <math>\geq 100\text{ kg/cm}^2</math>;</li> <li>- Hệ số biến dạng nhiệt vĩnh cửu (Permanent Linear Change): <math>0 \div -0,5\%</math>;</li> <li>- Cường độ phá vỡ ở trạng thái lạnh (Cold Crushing Strength): <math>\geq 700\text{ kg/cm}^2</math>;</li> <li>- Độ mài mòn (Abrasion Resistance): <math>\leq 10\text{ cm}^3\text{ Loss}</math>;</li> <li>- Hệ số dẫn nhiệt (Thermal Conductivity): <math>\leq 1,08\text{ (}425^{\circ}\text{C W/m}^{\circ}\text{K)}</math></li> </ul> | Tấn    | 24         |                    |            |
| 2   | Bê tông phòng mòn loại đắp tay          | <p>Mã hiệu: RFT-T90.</p> <p>Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Kỹ thuật vật liệu chịu lửa RFT/Việt Nam</p> <p>hoặc vật liệu tương đương đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ sử dụng: <math>\geq 1.315\text{ }^{\circ}\text{C}</math>;</li> <li>- Mật độ thể tích (Bulk Density): <math>2.160 \div 2.650\text{ kg/m}^3</math>;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tấn    | 40         |                    |            |

| Stt | Tên vật tư         | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|--------------------|------------|
|     |                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cường độ kháng nứt gãy (Modulus of Rupture): <math>\geq 100 \text{ kg/cm}^2</math>;</li> <li>- Hệ số biến dạng nhiệt vĩnh cửu (Permanent Linear Change): <math>0 \div -0,5 \%</math>;</li> <li>- Cường độ phá vỡ ở trạng thái lạnh (Cold Crushing Strength): <math>\geq 525 \text{ kg/cm}^2</math>;</li> <li>- Độ mài mòn (Abrasion Resistance): <math>\leq 12,0 \text{ cm}^3 \text{ Loss}</math>;</li> <li>- Hệ số dẫn nhiệt (Thermal Conductivity): <math>\leq 1,08</math> tại <math>425^\circ\text{C}</math> <math>\text{W/m}^\circ\text{K}</math>.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                        |        |            |                    |            |
| 3   | Bê tông xốp bảo ôn | <p>Mã hiệu: RFT-130-140ISO.<br/> Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Kỹ thuật vật liệu chịu lửa RFT/Việt Nam<br/> hoặc vật liệu tương đương đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ sử dụng: <math>\geq 1.094^\circ\text{C}</math>;</li> <li>- Mật độ thể tích (Bulk Density): <math>400 \div 720 \text{ kg/m}^3</math>;</li> <li>- Cường độ kháng nứt gãy (Modulus of Rupture): N/A.</li> <li>- Hệ số biến dạng nhiệt vĩnh cửu (Permanent Linear Change): <math>0 \div -0,9 \%</math>;</li> <li>- Cường độ phá vỡ ở trạng thái lạnh (Cold Crushing Strength): <math>\geq 7 \text{ kg/cm}^2</math>;</li> <li>- Độ mài mòn (Abrasion Resistance): N/A;</li> <li>- Hệ số dẫn nhiệt (Thermal Conductivity): <math>\leq 0,22</math> tại <math>425^\circ\text{C}</math> <math>\text{W/m}^\circ\text{K}</math>.</li> </ul> | Tấn    | 04         |                    |            |

| Stt | Tên vật tư          | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị         | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|--------------------|------------|
| 4   | Sợi thép chịu nhiệt | Quy cách: Ø1 × 25 mm; Vật liệu: SUS 310S hoặc tương đương về thành phần vật liệu, khả năng chịu nhiệt, chống ăn mòn và tính năng sử dụng.<br>Nhà sản xuất: Công ty TNHH phát triển công nghệ REFTEC/Việt Nam                                      | Kg             | 980        |                    |            |
| 5   | Neo thép            | Quy cách: V50D8; Vật liệu SUS 310S (chi tiết theo bản vẽ MK-LH-04-07/01) hoặc tương đương về vật liệu, kích thước, khả năng chịu nhiệt và tính năng sử dụng.<br>Nhà sản xuất: Công ty TNHH phát triển công nghệ REFTEC/Việt Nam                   | Cái            | 14000      |                    |            |
| 6   | Neo thép            | Quy cách: Y200D12; Vật liệu SUS 310S (chi tiết theo bản vẽ MK-LH-04-07/01) hoặc tương đương về vật liệu, kích thước, khả năng chịu nhiệt và tính năng sử dụng. Nhà sản xuất: Công ty TNHH phát triển công nghệ REFTEC/Việt Nam                    | Cái            | 600        |                    |            |
| 7   | Bông gốm Ceramic    | Kích thước: 7.200 × 610 × 25 mm; nhiệt độ sử dụng: ≥ 1.260 °C;<br>Nhà sản xuất: Luyang/ Trung Quốc hoặc tương đương về vật liệu, kích thước, khả năng chịu nhiệt và tính năng sử dụng.                                                            | Cuộn           | 10         |                    |            |
| 8   | Lưới thép inox      | Kích thước khổ: 1 m; kích thước ô lưới: 1 × 1 mm; đường kính sợi: Ø 0,3 mm;<br>Vật liệu SUS 304 hoặc tương đương về vật liệu, kích thước, khả năng chịu nhiệt và chống ăn mòn.<br>Nhà sản xuất: Công ty TNHH phát triển công nghệ REFTEC/Việt Nam | m <sup>2</sup> | 20         |                    |            |

| Stt | Tên vật tư       | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                              | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|--------------------|------------|
|     |                  | Nam                                                                                                                                                                                            |        |            |                    |            |
| 9   | Vành chặn lửa    | Quy cách: Ø1474 × 170 mm; Vật liệu SUS 310S, chiều dày 8 mm; chi tiết theo bản vẽ MK-LH-04-01/01 đính kèm. hoặc tương đương về vật liệu, kích thước, khả năng chịu nhiệt và tính năng sử dụng. | Bộ     | 06         |                    |            |
| 10  | Vành chặn lửa    | Quy cách: Ø1904 × 140 mm; Vật liệu SUS 310S, chiều dày 8 mm; chi tiết theo bản vẽ MK-LH-04-02/01 đính kèm. hoặc tương đương về vật liệu, kích thước, khả năng chịu nhiệt và tính năng sử dụng. | Bộ     | 04         |                    |            |
|     | <b>Tổng</b>      |                                                                                                                                                                                                |        |            |                    |            |
|     | <b>Thuế GTGT</b> |                                                                                                                                                                                                |        |            |                    |            |
|     | <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                                                                                |        |            |                    |            |
|     | <b>Bằng chữ:</b> |                                                                                                                                                                                                |        |            |                    |            |

**Ghi chú:** Đối với các vật tư có nêu mã hiệu, nhà sản xuất, trường hợp nhà thầu đề xuất vật tư tương đương thì phải chứng minh được tính tương đương về vật liệu, thành phần, tính chất cơ lý, khả năng chịu nhiệt, khả năng chống mài mòn, kích thước và tính năng sử dụng, đồng thời đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật của thiết bị.

## PHỤ LỤC 2: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Kèm theo Văn bản số **2943** /NĐĐT-KHĐT-VT ngày **18** /9/2026 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

| Stt | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|--------------------|------------|
| 1   | <p>Thi công sửa chữa bê tông phòng mòn RFT-60S15 dạng đồ, ghép cốt pha tại cao độ <math>\leq 8</math> m tính từ sàn nắm gió. Phạm vi công việc bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đục phá, tháo dỡ lớp bê tông cũ bị hư hỏng; thu gom, vận chuyển vật liệu phế thải đến vị trí tập kết theo quy định;</li> <li>- Cắt, tẩy bỏ các neo cũ không đảm bảo; gia công, hàn bổ sung/thay thế neo mới theo yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Vệ sinh sạch bề mặt khu vực cần sửa chữa trước khi thi công;</li> <li>- Gia công, lắp đặt cốt pha phục vụ thi công;</li> <li>- Trộn, vận chuyển và thi công đổ bê tông mới theo đúng quy trình kỹ thuật của vật liệu;</li> <li>- Bảo dưỡng bê tông theo yêu cầu của nhà sản xuất vật liệu;</li> <li>- Tháo dỡ cốt pha sau khi bê tông đạt yêu cầu;</li> <li>- Hoàn thiện bề mặt sau thi công.</li> </ul> <p>Yêu cầu: Lớp bê tông sau thi công phải đảm bảo chiều dày, hình dạng, cao độ theo thiết kế/yêu cầu kỹ thuật; bề mặt đặc chắc, không có hiện tượng rỗ, bong tróc, nứt bất thường hoặc khuyết tật ảnh hưởng đến khả năng làm việc. Công trường phải được thu dọn sạch sẽ sau khi hoàn thành.</p> | Tấn    | 16         |                    |            |

| Stt | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|--------------------|------------|
| 2   | <p>Thi công sửa chữa bê tông phòng mòn RFT-60S15 dạng đồ, ghép cốp pha tại cao độ <math>\geq 8</math> m tính từ sàn nầm gió. Phạm vi công việc bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đục phá, tháo dỡ lớp bê tông cũ bị hư hỏng; thu gom, vận chuyển vật liệu phế thải đến vị trí tập kết theo quy định;</li> <li>- Cắt, tẩy bỏ các neo cũ không đảm bảo; gia công, hàn bổ sung/thay thế neo mới theo yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Vệ sinh sạch bề mặt khu vực cần sửa chữa trước khi thi công;</li> <li>- Gia công, lắp đặt cốp pha phục vụ thi công;</li> <li>- Trộn, vận chuyển và thi công đổ bê tông mới theo đúng quy trình kỹ thuật của vật liệu;</li> <li>- Bảo dưỡng bê tông theo yêu cầu của nhà sản xuất vật liệu;</li> <li>- Tháo dỡ cốp pha sau khi bê tông đạt yêu cầu;</li> <li>- Hoàn thiện bề mặt sau thi công.</li> </ul> <p>Yêu cầu: Lớp bê tông sau thi công phải đảm bảo chiều dày, hình dạng, cao độ theo thiết kế/yêu cầu kỹ thuật; bề mặt đặc chắc, không có hiện tượng rỗ, bong tróc, nứt bất thường hoặc khuyết tật ảnh hưởng đến khả năng làm việc. Công trường phải được thu dọn sạch sẽ sau khi hoàn thành.</p> | Tấn    | 12         |                    |            |

| Stt | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|--------------------|------------|
| 3   | <p>Thi công sửa chữa bê tông phòng mòn RFT-T90 dạng đắp tay tại cao độ <math>\leq 8</math> m tính từ sàn nắm gió. Phạm vi công việc bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đục phá, tháo dỡ lớp bê tông cũ bị hư hỏng, thu gom và vận chuyển phế thải đến vị trí tập kết;</li> <li>- Cắt, tẩy bỏ neo cũ không đảm bảo;</li> <li>- Gia công, hàn bổ sung/thay thế neo mới;</li> <li>- Vệ sinh sạch bề mặt khu vực thi công.</li> </ul> <p>- Trộn và thi công đắp vật liệu mới theo đúng quy trình kỹ thuật của nhà sản xuất;</p> <p>- Tạo phẳng, hoàn thiện bề mặt theo yêu cầu kỹ thuật;</p> <p>- Bảo dưỡng vật liệu sau thi công theo hướng dẫn của nhà sản xuất.</p> <p>Yêu cầu: Bề mặt sau thi công phải đặc chắc, đồng đều, không rỗ, không bong tróc, không nứt bất thường và đảm bảo chiều dày, hình dạng theo yêu cầu kỹ thuật.</p> | Tấn    | 16         |                    |            |
| 4   | <p>Thi công sửa chữa bê tông phòng mòn RFT-T90 dạng đắp tay tại cao độ <math>\geq 8</math> m tính từ sàn nắm gió. Phạm vi công việc bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đục phá, tháo dỡ lớp bê tông cũ bị hư hỏng, thu gom và vận chuyển phế thải đến vị trí tập kết;</li> <li>- Cắt, tẩy bỏ neo cũ không đảm bảo;</li> <li>- Gia công, hàn bổ sung/thay thế neo mới;</li> <li>- Vệ sinh sạch bề mặt khu vực thi công.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tấn    | 16         |                    |            |

| Stt | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|--------------------|------------|
|     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trộn và thi công đắp vật liệu mới theo đúng quy trình kỹ thuật của nhà sản xuất;</li> <li>- Tạo phẳng, hoàn thiện bề mặt theo yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Bảo dưỡng vật liệu sau thi công theo hướng dẫn của nhà sản xuất.</li> </ul> <p>Yêu cầu: Bề mặt sau thi công phải đặc chắc, đồng đều, không rỗ, không bong tróc, không nứt bất thường và đảm bảo chiều dày, hình dạng theo yêu cầu kỹ thuật.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |        |            |                    |            |
| 5   | <p>Thi công sửa chữa bê tông xốp bảo ôn RFT 130-140 ISO dạng đắp tay tại cao độ <math>\leq 8</math> m tính từ sàn nắm gió. Phạm vi công việc bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đục phá, tháo dỡ phần bê tông xốp bảo ôn cũ bị hư hỏng;</li> <li>- Thu gom, vận chuyển phế thải đến vị trí tập kết theo quy định;</li> <li>- Xử lý, vệ sinh bề mặt khu vực sửa chữa;</li> <li>- Gia công, hàn bổ sung/thay thế neo theo yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Trộn và thi công vật liệu mới theo đúng quy trình của nhà sản xuất;</li> <li>- Tạo phẳng, hoàn thiện bề mặt và bảo dưỡng sau thi công.</li> </ul> <p>Yêu cầu: Lớp bê tông xốp bảo ôn sau thi công phải đảm bảo chiều dày, hình dạng và yêu cầu kỹ thuật; không rỗ, bong tróc hoặc nứt bất thường.</p> | Tấn    | 04         |                    |            |

| Stt | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|--------------------|------------|
| 6   | <p>Thi công đổ bê tông xốp bảo ôn RFT 130-140 ISO dạng đắp tay tại Cao độ <math>\geq 8</math> m tính từ sàn năm gió. Phạm vi công việc bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đục phá, tháo dỡ phần bê tông xốp bảo ôn cũ bị hư hỏng;</li> <li>- Thu gom, vận chuyển phế thải đến vị trí tập kết theo quy định;</li> <li>- Xử lý, vệ sinh bề mặt khu vực sửa chữa;</li> <li>- Gia công, hàn bổ sung/thay thế neo theo yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Trộn và thi công vật liệu mới theo đúng quy trình của nhà sản xuất;</li> <li>- Tạo phẳng, hoàn thiện bề mặt và bảo dưỡng sau thi công.</li> </ul> <p>Yêu cầu: Lớp bê tông xốp bảo ôn sau thi công phải đảm bảo chiều dày, hình dạng và yêu cầu kỹ thuật; không rỗ, bong tróc hoặc nứt bất thường.</p> | Tấn    | 04         |                    |            |
|     | <b>Tổng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |        |            |                    |            |
|     | <b>Thuế GTGT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |        |            |                    |            |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |        |            |                    |            |
|     | <b>Bằng chữ:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |        |            |                    |            |